|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  \_\_\_\_\_\_\_  Số: /2016/NĐ-CP | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *Hà Nội, ngày tháng năm 2016* |

**DỰ THẢO 20/3**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm**

**phương tiện đo, chuẩn đo lường**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Chính phủ ban hành Nghị định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường gồm: Đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; chỉ định thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

2. Nghị định này không áp dụng đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường bức xạ, hạt nhân và hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường phục vụ trực tiếp cho hoạt động đo lường đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đo lường.

2. Tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

3. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phương tiện đo* là phương tiện kỹ thuật (phương tiện, thiết bị đo; chất chuẩn; phương tiện, thiết bị có chức năng đo) được dùng để thực hiện phép đo.

2. *Phương tiện đo nhóm 1* là phương tiện đo được sử dụng trong nghiên cứu khoa học, điều khiển, điều chỉnh quy trình công nghệ, kiểm soát chất lượng trong sản xuất hoặc các mục đích khác không quy định tại Khoản 3 Điều này và được kiểm soát theo yêu cầu kỹ thuật đo lường do tổ chức, cá nhân công bố áp dụng.

3. *Phương tiện đo nhóm 2* là phương tiện đo được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp, trong các hoạt động công vụ khác và phải được kiểm soát theo yêu cầu kỹ thuật đo lường do cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền quy định áp dụng.

4. *Chuẩn đo lường* là phương tiện kỹ thuật để thể hiện, duy trì đơn vị đo của đại lượng đo và được dùng làm chuẩn để so sánh với phương tiện đo hoặc chuẩn đo lường khác.

5. *Chuẩn công tác* là chuẩn đo lường được dùng để kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo.

6. *Chất chuẩn* là một loại chuẩn đo lường đặc biệt có độ đồng nhất và ổn định nhất định đối với một hoặc một số thuộc tính. Chất chuẩn được sử dụng để kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thiết bị, phương tiện đo, đánh giá phương pháp đo hoặc để xác định giá trị về thành phần, tính chất của vật liệu hoặc chất khác.

7. *Kiểm định* là hoạt động đánh giá, xác nhận đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo theo yêu cầu kỹ thuật đo lường.

8. *Hiệu chuẩn* là hoạt động xác định, thiết lập mối quan hệ giữa giá trị đo của chuẩn đo lường, phương tiện đo với giá trị đo của đại lượng cần đo.

9. *Thử nghiệm* là việc xác định một hoặc một số đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo, chuẩn đo lường.

10. *Yêu cầu kỹ thuật đo lường* là tập hợp các quy định về đặc tính kỹ thuật đo lường của chuẩn đo lường, phương tiện đo do tổ chức, cá nhân công bố hoặc do cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền quy định.

11. *Tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm* *được chỉ định* là tổ chức đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan, được cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền xem xét, đưa vào danh sách để tổ chức, cá nhân lựa chọn sử dụng dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, hiệu chuẩn, thử nghiệm chuẩn công tác, chất chuẩn để kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo nhóm 2.

12. Các từ ngữ khác trong Nghị định này được hiểu theo quy định tại Điều 3 của Luật Đo lường.

**Điều 4. Nguyên tắc hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm**

1. Độc lập, khách quan, chính xác; công khai, minh bạch về trình tự, thủ tục thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

2. Tuân thủ trình tự, thủ tục kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã được công bố hoặc theo quy định của cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền.

3. Tuân thủ quy định về bảo mật thông tin, số liệu, kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

**Điều 5. Nguyên tắc quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm**

1. Quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm nhằm tăng cường xã hội hóa và phát triển hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đáp ứng nhu cầu về đo lường của doanh nghiệp, người dân; bảo đảm tính chính xác, thống nhất về đo lường của chuẩn đo lường, phương tiện đo, kết quả đo; góp phần bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường.

2. Hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường phải đăng ký theo quy định tại Chương II của Nghị định này.

3. Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, hoạt động hiệu chuẩn, thử nghiệm chuẩn công tác, chất chuẩn để kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo nhóm 2 phải được chỉ định theo quy định tại Chương III của Nghị định này.

4. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải tuân thủ nguyên tắc hoạt động tại Điều 4, các quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Chương II**

**ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM**

**Điều 6. Điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm**

Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải đáp ứng các điều kiện hoạt động sau đây:

1. Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có mặt bằng làm việc, điều kiện môi trường và điều kiện khác theo yêu cầu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Có đủ chuẩn đo lường, phương tiện thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo yêu cầu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng. Các chuẩn đo lường và phương tiện này được định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định; giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải còn thời hạn có giá trị.

3. Có đủ quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký hoạt động do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi tắt là Tổng cục) ban hành hoặc do tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tự xây dựng, ban hành. Trường hợp quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm do tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tự xây dựng, ban hành thì quy trình đó phải được thẩm định trước khi ban hành. Tổng cục hướng dẫn chi tiết việc thẩm định dự thảo quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

4. Có ít nhất hai (02) nhân viên kỹ thuật cho mỗi lĩnh vực đăng ký hoạt động. Các nhân viên kỹ thuật này phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Là viên chức, lao động hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên, lao động hợp đồng không xác định thời hạn;

b) Tốt nghiệp trung cấp kỹ thuật hoặc tương đương trở lên;

c) Có giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo về kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng với lĩnh vực đăng ký hoạt động theo hướng dẫn của Tổng cục.

5. Ban hành và thực hiện đúng quy định về chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

6. Bảo đảm nguyên tắc độc lập, khách quan và các yêu cầu sau đây:

a) Công khai, minh bạch quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng;

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện và không chịu bất kỳ tác động nào làm thay đổi kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm này;

c) Nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tuân thủ quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng và không chịu bất kỳ tác động nào làm thay đổi kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện.

7. Đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

8. Phải đăng ký hoạt động theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 7. Trình tự, thủ tục đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm**

1. Hồ sơ đăng ký

Tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (gọi tắt là tổ chức đăng ký) lập một (01) bộ hồ sơ đăng ký gửi trực tiếp tại trụ sở hoặc qua Công thông tin điện tử của Tổng cục hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục. Bộ hồ sơ gồm:

a) Đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (theo Mẫu 1.ĐKCCDV tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

b) Bản sao chụp (có xác nhận đúng với bản chính của tổ chức đăng ký) quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

c) Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực (theo Mẫu 2.BCCSVC tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

d) Văn bản quy định về nội dung, hình thức, việc chế tạo, quản lý và sử dụng chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; quy định biện pháp (niêm phong, kẹp chì...) phải thực hiện khi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm để ngăn ngừa, phòng chống sự tác động làm thay đổi đặc trưng kỹ thuật đo lường chính của phương tiện đo, chuẩn đo lường trong quá trình sử dụng;

đ) Danh mục hồ sơ của hệ thống quản lý đã thiết lập và duy trì đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đăng ký thực hiện.

2. Xử lý hồ sơ đăng ký

a) Trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Tổng cục thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký những nội dung cần sửa đổi, bổ sung;

b) Tổng cục xem xét, quyết định kiểm tra trên hồ sơ hoặc đánh giá tại cơ sở;

c) Trường hợp xem xét trên hồ sơ, trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận đăng ký) theo quy định tại Khoản 3 Điều này;

d) Trường hợp phải đánh giá tại cơ sở, trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục hoàn tất việc đánh giá tại cơ sở theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 10 của Nghị định này và cấp giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại Khoản 3 Điều này cho tổ chức đăng ký; trường hợp kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, Tổng cục thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký và nêu rõ lý do.

3. Giấy chứng nhận đăng ký

a) Nội dung và hình thức của giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường theo Mẫu 3.GCNĐK tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Giấy chứng nhận đăng ký được gửi cho tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) nơi tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đăng ký trụ sở chính và được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục.

4. Lưu giữ hồ sơ chứng nhận đăng ký

a) Hồ sơ đăng ký quy định tại Khoản 1, hồ sơ xử lý quy định tại Khoản 2 và giấy chứng nhận đăng ký quy định tại Khoản 3 Điều này được lưu giữ tại Tổng cục;

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm chịu trách nhiệm lập và lưu giữ một (01) bộ hồ sơ chứng nhận đăng ký (Hồ sơ đăng ký quy định tại Khoản 1và giấy chứng nhận đăng ký quy định tại Khoản 3 Điều này) tại trụ sở của tổ chức.

c) Thời hạn lưu giữ hồ sơ: Từ thời điểm cấp giấy chứng nhận đăng ký đến hết năm (5) năm sau khi giấy chứng nhận đăng ký này bị hủy bỏ hiệu lực hoặc được thay thế bởi giấy chứng nhận mới.

**Điều 8. Điều chỉnh nội dung, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký**

1. Điều chỉnh nội dung của giấy chứng nhận đăng ký

a) Khi có nhu cầu điều chỉnh nội dung của giấy chứng nhận đăng ký, tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh gửi trực tiếp tại trụ sở Tổng cục hoặc qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục.

b) Bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh gồm: Đề nghị điều chỉnh nội dung của giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (theo Mẫu 4.ĐNĐC tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này); giấy chứng nhận đăng ký (bản chính); báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực (theo Mẫu 2.BCCSVC tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (chỉ báo cáo những nội dung liên quan đến lĩnh vực đề nghị điều chỉnh); báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện năm gần nhất (theo Mẫu 5.BCHĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này); tài liệu khác có liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh.

c) Việc xử lý hồ sơ đề nghị điều chỉnh áp dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Nghị định này.

d) Địa điểm và thời hạn lưu giữ hồ sơ chứng nhận điều chỉnh áp dụng theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 của Nghị định này.

2. Đình chỉ hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký

a) Đình chỉ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ giấy chứng nhận đăng ký được áp dụng đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được phát hiện là không phù hợp quy định và tổ chức đăng ký có văn bản cam kết thực hiện các biện pháp khắc phục trong các trường hợp sau đây: Điều kiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của tổ chức đăng ký không được duy trì đúng theo quy định tại Điều 6; tổ chức đăng ký không hoàn thành trách nhiệm quy định tại Điều 15; nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm không hoàn thành trách nhiệm quy định tại Điều 17 của Nghị định này.

b) Tổng cục xem xét mức độ không phù hợp và cam kết thực hiện các biện pháp khắc phục của tổ chức đăng ký, ra thông báo đình chỉ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ giấy chứng nhận đăng ký đã cấp (sau đây gọi tắt là thông báo đình chỉ). Thời hạn đình chỉ không được quá sáu (06) tháng kể từ thời điểm ra thông báo đình chỉ.

c) Thông báo đình chỉ được gửi cho tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương nơi tổ chức bị đình chỉ đăng ký trụ sở chính và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục.

d) Trong thời hạn bị đình chỉ, sau khi hoàn thành việc khắc phục hậu quả, tổ chức bị đình chỉ có quyền lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị được tiếp tục cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm gửi trực tiếp tại trụ sở hoặc qua Công thông tin điện tử của Tổng cục hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục. Bộ hồ sơ gồm: Công văn đề nghị được tiếp tục cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; hồ sơ chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục hậu quả.

đ) Việc xử lý hồ sơ đề nghị được tiếp tục cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, ra thông báo hủy bỏ hiệu lực của thông báo đình chỉ (gọi tắt là thông báo hủy bỏ) áp dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Nghị định này.

e) Thông báo hủy bỏ được gửi cho tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương nơi tổ chức bị đình chỉ đăng ký trụ sở chính và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục.

g) Địa điểm và thời hạn lưu giữ thông báo đình chỉ, thông báo hủy bỏ và các hồ sơ liên quan áp dụng theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 của Nghị định này.

3. Hủy bỏ hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký

a) Hủy bỏ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ giấy chứng nhận đăng ký được áp dụng đối với các trường hợp sau đây: Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm bị giải thể, phá sản hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm bị đình chỉ không hoàn thành việc khắc phục trong thời hạn đình chỉ ghi trong thông báo đình chỉ; tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm có văn bản đề nghị không tiếp tục cung cấp một phần hoặc toàn bộ dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

b) Tổng cục xem xét, ra quyết định hủy bỏ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ giấy chứng nhận đăng ký đã cấp (sau đây gọi tắt là quyết định hủy bỏ hiệu lực).

c) Quyết định hủy bỏ hiệu lực được gửi cho tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương nơi tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đăng ký trụ sở chính và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục.

**Chương III**

**CHỈ ĐỊNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM**

**Mục 1**

**ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THỰC HIỆN**

**HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM**

**Điều 9. Điều kiện được chỉ định thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm**

Ngoài các điều kiện quy định tại Điều 6 của Nghị định này, tổ chức đáp ứng thêm các điều kiện sau đây được chỉ định thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:

1. Có lĩnh vực hoạt động được chứng nhận phù hợp với lĩnh vực đề nghị chỉ định.

2. Có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng.

3. Chuẩn công tác, chất chuẩn dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm tại tổ chức hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định và được duy trì, bảo quản, sử dụng theo quy định của tổ chức đề nghị (đối với trường hợp đề nghị chỉ định kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo nhóm 2).

4. Nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải có giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo về kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm do Tổng cục tổ chức phù hợp với lĩnh vực đề nghị chỉ định.

5. Có đủ quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với lĩnh vực đề nghị chỉ định do Tổng cục ban hành.

6. Chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải đáp ứng đúng quy định do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

7. Không trực tiếp kinh doanh hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho khách hàng thông qua sử dụng phương tiện đo nhóm 2 thuộc lĩnh vực đề nghị được chỉ định (đối với trường hợp đề nghị chỉ định kiểm định phương tiện đo nhóm 2).

8. Có ít nhất ba (3) năm cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với lĩnh vực đề nghị chỉ định và tuân thủ đúng trách nhiệm quy định tại Điều 15 của Nghị định này (trừ trường hợp đề nghị chỉ định kiểm đinh, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo mới đưa Danh mục phương tiện đo nhóm 2 chưa quá 3 năm).

**Điều 10. Trình tự, thủ tục chỉ định thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm**

1. Tổ chức đề nghị lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị chỉ định gửi trực tiếp tại trụ sở Tổng cục hoặc qua Công thông tin điện tử của Tổng cục hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục.

2. Bộ hồ sơ đề nghị chỉ định gồm:

a) Đề nghị chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (theo Mẫu 6.ĐNCĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

b) Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực (theo Mẫu 2.BCCSVC tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

c) Báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện ba (3) năm gần nhất (theo Mẫu 5.BCHĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

d) Văn bản của tổ chức đề nghị quy định về nội dung, hình thức, việc chế tạo, quản lý và sử dụng chứng chỉ chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

đ) Hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo nhóm 2 (trường hợp đề nghị chỉ định kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo nhóm 2) gồm:

- Đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường (theo Mẫu 7.ĐNCNCĐL tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

- Bản sao chụp (có xác nhận đúng với bản chính của tổ chức đề nghị) giấy chứng nhận hiệu chuẩn của chuẩn công tác, giấy chứng nhận thử nghiệm hoặc so sánh của chất chuẩn theo quy định.

- Ảnh chụp của chuẩn đo lường bao gồm một (01) ảnh tổng thể và 01 ảnh nhãn mác. Ảnh màu cỡ (15 × 20) cm, phải bảo đảm sắc nét, rõ ràng (đối với trường hợp lần đầu tiên đề nghị chứng nhận).

- Văn bản quy định về việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường của tổ chức đề nghị.

e) Hồ sơ đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (trường hợp đề nghị chỉ định kiểm định phương tiện đo nhóm 2) gồm:

- Đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (theo Mẫu 8.ĐNCNKĐVĐL tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

- Sơ yếu lý lịch (theo Mẫu 9.SYLL tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) của từng nhân viên kiểm định.

- Bản sao chụp (có xác nhận đúng với bản chính của tổ chức đề nghị) bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên của nhân viên kiểm định (đối với trường hợp lần đầu tiên đề nghị chứng nhận, cấp thẻ).

- Bản sao chụp (có xác nhận đúng với bản chính của tổ chức đề nghị) giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo về kiểm định.

- Hai (02) ảnh màu cỡ (2 cm × 3 cm), chụp trên nền trắng (đối với trường hợp lần đầu tiên đề nghị chứng nhận, cấp thẻ).

g) Văn bản của tổ chức đề nghị cam kết không trực tiếp kinh doanh hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho khách hàng thông qua sử dụng phương tiện đo nhóm 2 thuộc lĩnh vực đề nghị được chỉ định (trường hợp đề nghị chỉ định kiểm định phương tiện đo nhóm 2).

3. Xử lý hồ sơ đề nghị chỉ định

a) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đúng quy định, Tổng cục thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị chỉ định những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh;

b) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, việc đánh giá tại cơ sở phải được hoàn tất theo quy định. Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết trình tự, thủ tục đánh giá tại chỗ.

c) Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ kết quả đánh giá tại cơ sở, nếu kết quả đạt yêu cầu quy định, Tổng cục ra quyết định chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (gọi tắt là quyết định chỉ định), quyết định chứng nhận chuẩn đo lường, quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường theo quy định tương úng tại Khoản 3, 4, 5 Điều này cho tổ chức đề nghị chỉ định. Các quyết định này được gửi tới tổ chức kiểm định được chỉ định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức kiểm định được chỉ định đăng ký trụ sở chính và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục.

Trường hợp kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, Tổng cục thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị chỉ định và nêu rõ lý do.

4. Quyết định chỉ định

a) Quyết định chỉ định phải bao gồm các nội dung chính sau đây: Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định (sau đây gọi tắt là tổ chức được chỉ định); địa điểm thực hiện hoạt động; lĩnh vực được chỉ định; thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định.

b) Thời hạn của quyết định chỉ định là năm (05) năm kể từ ngày ký.

5. Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường

a) Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường bao gồm các nội dung chính sau đây: Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kiểm định được chỉ định; tên của chuẩn đo lường; số sản xuất, năm sản xuất, hãng sản xuất, nước sản xuất của chuẩn đo lường; kiểu, ký hiệu, đặc trưng kỹ thuật đo lường chính của chuẩn đo lường; lĩnh vực kiểm định; thời hạn hiệu lực.

b) Thời hạn hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường lấy theo thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định cấp cho tổ chức kiểm định được chỉ định.

Trường hợp chuẩn đo lường được chứng nhận là chất chuẩn và thời hạn giá trị của giấy chứng nhận thử nghiệm hoặc so sánh chất chuẩn ít hơn thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định thì thời hạn hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường đối với chất chuẩn là thời hạn giá trị của giấy chứng nhận đó.

6. Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường

a) Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường có các nội dung chính sau đây: Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kiểm định được chỉ định; họ tên, năm sinh của kiểm định viên đo lường; số hiệu của kiểm định viên; lĩnh vực kiểm định; thời hạn hiệu lực.

b) Thời hạn hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường lấy theo thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định cấp cho tổ chức kiểm định được chỉ định.

7. Thẻ kiểm định viên đo lường

a) Thẻ kiểm định viên đo lường (sau đây viết tắt là thẻ) cấp cho từng kiểm định viên đo lường.

b) Nội dung và hình thức của thẻ kiểm định viên đo lường theo Mẫu 10.TKĐVĐK tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Mỗi kiểm định viên đo lường chỉ được cấp một (01) thẻ.

d) Thẻ không còn giá trị hiệu lực khi quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường bị đình chỉ hoặc hủy bỏ hiệu lực.

8. Lưu giữ hồ sơ chỉ định

a) Hồ sơ đề nghị chỉ định quy định tại Khoản 2, hồ sơ đánh giá tại cơ sở và các quyết định quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 Điều này được lưu giữ tại Tổng cục.

b) Tổ chức được chỉ định chịu trách nhiệm lập và lưu giữ một (01) bộ hồ sơ chỉ định (hồ sơ đề nghị chỉ định quy định tại Khoản 2 và các quyết định quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 Điều này) tại trụ sở của tổ chức.

c) Thời hạn lưu giữ: Từ thời điểm quyết định chỉ định được ban hành đến hết năm (05) năm sau khi quyết định chỉ định này hết thời hạn hiệu lực hoặc bị hủy bỏ hiệu lực.

**Mục 2**

**CẤP ĐỔI, CẤP LẠI THẺ KIỂM ĐỊNH VIÊN ĐO LƯỜNG,**

**CHỈ ĐỊNH LẠI, ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG, ĐÌNH CHỈ, HUỶ BỎ HIỆU LỰC CỦA QUYẾT ĐỊNH CHỈ ĐỊNH, CÁC QUYẾT ĐỊNH CHỨNG NHẬN**

**Điều 11. Cấp đổi, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường**

1. Để được cấp đổi do thẻ bị rách, nát, hư hỏng hoặc cần được cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường do bị mất, tổ chức đề nghị gửi công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại thẻ gửi về Tổng cục (kèm theo: Văn bản báo cáo nêu rõ lý do đề nghị của kiểm định viên, thẻ cũ (trường hợp cấp đổi) và hai (02) ảnh màu của kiểm định viên, cỡ ảnh (2 × 3) cm, chụp trên nền trắng). Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, Tổng cục cấp lại, cấp đổi thẻ và gửi cho tổ chức đề nghị.

2. Địa điểm và thời hạn lưu giữ hồ sơ cấp đổi, cấp lại thẻ áp dụng theo quy định tại Khoản 8 Điều 10 của Nghị định này.

**Điều 12. Điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định, quyết định chứng nhận chuẩn đo lường, quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường, chỉ dịnh lại**

1. Trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định, quyết định chứng nhận chuẩn đo lường, quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường

a) Tổ chức đề nghị lập một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Nghị định này tương ứng với nội dung đề nghị điều chỉnh và gửi trực tiếp tại trụ sở Tổng cục hoặc qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục.

b) Trình tự, thủ tục xử lý hồ sơ đề nghị điều chỉnh áp dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Nghị định này..

2. Trường hợp đề nghị chỉ định lại

a) Không ít hơn ba (3) tháng trước khi hết thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định đã cấp, tổ chức đề nghị lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị chỉ định theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Nghị định này gửi trực tiếp tại trụ sở Tổng cục hoặc qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục.

b) Trình tự, thủ tục xử lý hồ sơ đề nghị chỉ định lại thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Nghị định này.

3. Lưu giữ hồ sơ điều chỉnh, hồ sơ chỉ định lại thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 10 của Nghị định này.

**Điều 13. Đình chỉ hiệu lực của quyết định chỉ định, quyết định chứng nhận chuẩn đo lường, quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường**

1. Đình chỉ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ quyết định chỉ định, quyết định chứng nhận chuẩn đo lường, quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường được áp dụng đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được phát hiện là không phù hợp quy định và tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định có văn bản cam kết thực hiện các biện pháp khắc phục trong các trường hợp sau đây: Điều kiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của tổ chức được chỉ định không được duy trì đúng theo quy định tại Điều 9; tổ chức được chỉ định không hoàn thành trách nhiệm quy định tại Điều 16; nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm không hoàn thành trách nhiệm quy định tại Điều 17 của Nghị định này; tổ chức được chỉ định có văn bản đề nghị được tạm dừng thực hiện một phần hoặc toàn bộ lĩnh vực được chỉ định.

2. Tổng cục xem xét mức độ không phù hợp và cam kết thực hiện biện pháp khắc phục của tổ chức được chỉ định, ra quyết định đình chỉ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ các quyết định đã cấp (sau đây gọi tắt là quyết định đình chỉ). Thời hạn đình chỉ không được quá sáu (06) tháng kể từ thời điểm có hiệu lực của quyết định đình chỉ.

3. Quyết định đình chỉ được gửi cho tổ chức bị đình chỉ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức bị đình chỉ đăng ký trụ sở chính và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục.

4. Trong thời hạn bị đình chỉ, sau khi hoàn thành việc khắc phục hậu quả, tổ chức bị đình chỉ có quyền lập một (01) bộ hồ sơ đề nghị hủy bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ gửi trực tiếp tại trụ sở Tổng cục hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục. Bộ hồ sơ gồm: Công văn đề nghị bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ, hồ sơ chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục hậu quả.

5. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đúng quy định, Tổng cục thông báo bằng văn bản cho tổ chức bị đình chỉ những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh.

6. Tổng cục xem xét, quyết định kiểm tra trên hồ sơ hoặc kiểm tra tại cơ sở về nội dung đã khắc phục hậu quả.

a) Trường hợp kiểm tra trên hồ sơ, trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục ra quyết định bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ (sau đây gọi tắt là quyết định bãi bỏ hiệu lực);

b) Trường hợp kiểm tra tại cơ sở, trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc, Tổng cục hoàn tất việc kiểm tra tại cơ sở và ra quyết định bãi bỏ hiệu lực hoặc thông báo kết quả kiểm tra tại cơ sở không đạt yêu cầu quy định.

7. Quyết định bãi bỏ hiệu lực được gửi cho tổ chức được chỉ định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức được chỉ định đăng ký trụ sở chính và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục.

8. Địa điểm và thời hạn lưu giữ quyết định đình chỉ, quyết định bãi bỏ hiệu lực và các hồ sơ liên quan áp dụng theo quy định tại Khoản 8 Điều 10 của Nghị định này.

**Điều 14. Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chỉ định, quyết định chứng nhận chuẩn đo lường, quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường**

1. Hủy bỏ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ của quyết định chỉ định được áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức được chỉ định bị phá sản, giải thể hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Tổ chức bị đình chỉ không hoàn thành việc khắc phục hậu quả trong thời hạn bị đình chỉ ghi trong quyết định đình chỉ;

c) Tổ chức được chỉ định có văn bản đề nghị không tiếp tục thực hiện lĩnh vực hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã được chỉ định.

2. Tổng cục xem xét, ra quyết định hủy bỏ hiệu lực một phần hoặc toàn bộ quyết định chỉ định đã cấp (gọi tắt là quyết định hủy bỏ hiệu lực).

3. Quyết định hủy bỏ hiệu lực được gửi cho tổ chức được chỉ định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nơi tổ chức được chỉ định đăng ký trụ sở chính và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục.

**Chương IV**

**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM**

**Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụkiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm**

1. Duy trì các điều kiện đăng ký hoạt động quy định tại Điều 6 của Nghị định này.

2. Ban hành và tổ chức thực hiện quy định về quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về: Quản lý và sử dụng chuẩn đo lường, phương tiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; chế tạo và quản lý, sử dụng chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; biện pháp (niêm phong, kẹp chì...) phải thực hiện khi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm để ngăn ngừa, phòng chống sự tác động làm thay đổi các đặc trưng kỹ thuật đo lường chính của phương tiện đo, chuẩn đo lường trong quá trình sử dụng.

4. Chấp hành quy định về giá dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và việc niêm yết công khai giá dịch vụ.

5. Chỉ được tiến hành kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký và chỉ nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của tổ chức được thực hiện hoạt động này.

6. Lưu giữ hồ sơ, tài liệu về việc tổ chức thực hiện và duy trì điều kiện hoạt động đã đăng ký theo quy định tại Nghị định này.

7. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Định kỳ hàng năm trước ngày 31 tháng 01 hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, lập báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (theo Mẫu 5.BCHĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) gửi về Tổng cục và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương.

9. Thực hiện quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định**

Ngoài các trách nhiệm quy định tại Điều 15 của Nghị định này, tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định còn có thêm các trách nhiệm sau đây:

1. Duy trì các điều kiện được chỉ định quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

2. Chỉ được tiến hành kiểm định phương tiện đo sau khi chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 đã được chứng nhận và nhân viên kiểm định đã được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường.

3. Thu hồi thẻ, báo cáo và nộp thẻ của kiểm định viên đo lường không còn được giao tham gia hoạt động kiểm định về Tổng cục.

**Điều 17. Trách nhiệm của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm**

1. Nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo phân công trong lĩnh vực hoạt động đã đăng ký hoặc được chỉ định của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và phù hợp với lĩnh vực đã được đào tạo;

b) Tuân thủ đúng trình tự quy định tại quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Không chịu sự can thiệp dưới mọi hình thức đối với việc thực hiện và kết quả hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm;

c) Thực hiện các biện pháp theo quy định để ngăn ngừa, phòng chống sự tác động làm thay đổi đặc tính kỹ thuật của phương tiện đo, chuẩn đo lường trong quá trình sử dụng;

d) Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về đo lường phải báo ngay với người đứng đầu tổ chức để phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

đ) Tuân thủ quy định tại Nghị định này và các quy định khác về đo lường.

2. Kiểm định viên đo lường trong tổ chức kiểm định được chỉ định ngoài các trách nhiệm quy định tại Khoản 1 Điều này còn có các trách nhiệm sau đây:

a) Kiểm định phương tiện đo trong phạm vi lĩnh vực kiểm định đã được chứng nhận;

b) Mang thẻ khi thực hiện kiểm định phương tiện đo; xuất trình thẻ khi được người có thẩm quyền yêu cầu; không được dùng thẻ vào mục đích khác;

c) Nộp lại thẻ kiểm định viên đo lường cho tổ chức kiểm định được chỉ định khi không còn được giao tham gia thực hiện kiểm định.

**Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm**

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện đo, chuẩn đo lường có các quyền sau đây:

a) Lựa chọn tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường phù hợp để thực hiện biện pháp kiểm soát về đo lường đối với phương tiện đo, yêu cầu về đo lường đối với chuẩn đo lường theo quy định;

c) Khiếu nại kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; khởi kiện hành vi vi phạm hợp đồng của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm;

d) Khiếu nại, khởi kiện hành vi hành chính, quyết định hành chính của cá nhân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện đo, chuẩn đo lường có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện biện pháp kiểm soát về đo lường đối với phương tiện đo, yêu cầu đo lường đối với chuẩn đo lường trong quá trình sử dụng;

b) Bảo đảm các điều kiện vận chuyển, bảo quản, yêu cầu sử dụng phương tiện đo, chuẩn đo lường theo hướng dẫn của cơ sở sản xuất, nhập khẩu;

c) Tuyệt đối không được tự ý tháo dỡ niêm phong, kẹp chì của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Trường hợp phát hiện sai, hỏng phải dừng việc sử dụng và thực hiện các biện pháp khắc phục.

d) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra về đo lường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Trả chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 19.** **Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2016.

2. Nghị định này bãi bỏ:

a) Điểm b Khoản 3 Điều 13 Nghị định 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

b) Nghị định 134/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định về đơn vị đo lường chính thức;

c) Thông tư liên tịch số 03/2001/TTLT-BTM-BKHCNMT ngày 6 tháng 02 năm 2001 của Liên Bộ Thương mại – Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường h**ướng dẫn thực hiện việc sử dụng đồng hồ xăng dầu**  
**trong giao nhận, mua bán nhiên liệu xuất cho phương tiện thủy**;

d) Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

**Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Tổ chức đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường theo quy định tại Thông tư số 24/2013/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ được tiếp tục thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trong phạm vi đăng ký và theo các quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã được chỉ định theo quy định tại Thông tư số 24/2013/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ được tiếp tục thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trong phạm vi được chỉ định và theo các quy định tại Nghị định này đến hết thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định đã được cấp.

3. Kiểm định viên đo lường đã được chứng nhận, cấp thẻ theo quy định tại Thông tư số 24/2013/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ được tiếp tục thực hiện hoạt động kiểm định trong phạm vi được chứng nhận và theo các quy định tại Nghị định này đến hết thời hạn hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đã được cấp.

4. Chuẩn đo lường đã được chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 24/2013/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn hoặc giấy chứng nhận thử nghiệm hoặc so sánh còn thời hạn có giá trị được tiếp tục sử dụng để kiểm định phương tiện đo và phù hợp với các quy định tại Nghị định này đến hết thời hạn hiệu lực của quyết định chứng nhận đã cấp.

Việc kiểm định chuẩn đo lường theo quy định tại Quyết định số 28/2007/QĐ-BKHCN ngày 25/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ được tiếp tục thực hiện cho tới khi ban hành mới văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng.

**Điều 21. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Khoản 6 Điều 9, Điểm b Khoản 2 Điều 10 của Nghị định này; chịu trách nhiệm tổ chức quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trên phạm vi cả nước.

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng giúp Bộ Khoa học và công nghệ thực hiện nhiệm vụ sau:

a) Thực hiện việc đăng ký tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định tại Chương II của Nghị định này và chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định tại Chương III của Nghị định này;

b) Ban hành yêu cầu kỹ thuật đo lường của phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường; ban hành quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, chuẩn công tác, chất chuẩn để kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo nhóm 2; hướng dẫn việc thẩm định dự thảo quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm do tổ chức cung cấp dịch vụ tự xây dựng, ban hành;

c) Phê duyệt chương trình đào tạo nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, nghiệp vụ đánh giá về đo lường; hướng dẫn, quản lý và tổ chức thực hiện đào tạo nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, chuyên gia đánh giá về đo lường;

d) Kiểm tra nhà nước về đo lường đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật về đo lường tren phạm vi cả nước;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện trách nhiệm quy định tại Nghị định này của các tổ chức, cá nhân; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về đo lường theo quy định của pháp luật;

e) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu quản lý, tổng hợp tình hình thực hiện Nghị định này báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ để báo cáo cơ quan quản lý nhà nước cấp trên khi được yêu cầu.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân công.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong phạm vi địa phương.

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộcSở Khoa học và Công nghệ giúp Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Kiểm tra nhà nước về đo lường (kiểm tra thường xuyên theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất) đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trên địa bàn theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về đo lường;

b) Tuyên truyền, phổ biến quy định tại Nghị định này cho các tổ chức, cá nhân liên quan;

c) Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về đo lường trên địa bàn địa phương; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về đo lường theo quy định của pháp luật./.

**TM. CHÍNH PHỦ**

**THỦ TƯỚNG**

***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;

- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;

- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;

- Văn phòng Chủ tịch nước;

- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;

- Văn phòng Quốc hội;

- Tòa án nhân dân tối cao;

- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

- Kiểm toán Nhà nước;

- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;

- Ngân hàng Chính sách Xã hội;

- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;

- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91;

- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT,

các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;

- Lưu: Văn thư, KTN (5b).